

Bản án số: 90/2024/DS-ST

Ngày: 17/7/2024

V/v “tr/c hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Thanh Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Nam.

Bà Mai Thị Nhắc.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Lê Thị Sương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2024/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số: 331/2024/QĐST-DS ngày 09/7/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Trần Thị X, sinh 1966; *Trú tại:* Ấp Phú Lộc H, xã An Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (người đại diện Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1998; Trú tại 424/1D, đường Trương Vĩnh K, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh A, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Nhật Hoàng – thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

* **Bị đơn:** Tăng Thị B, sinh năm 1954; Nguyễn Văn D, sinh năm 1954; Cùng Trú tại: Ấp Tân Thành H, xã Tân Tr, huyện Mỏ Cày , tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bà Ph trình bày: Trước đây vào khoảng năm 2020 bà X có hợp đồng bán thức ăn chăn nuôi gia súc cho vợ chồng bà B, ông D, hai bên thỏa thuận khi nào phía bà B bán heo thì thanh

toán tiền, thời gian bán heo khoảng 04 tháng kể từ ngày mua thức ăn. Do phía bà B không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên đến ngày 07/7/2023 hai bên chấm dứt việc mua bán và tổng kết sổ thì phía bà B, ông D còn nợ bà X tổng cộng 1.145.000.000 đồng từ đó đến nay không trả. Nay yêu cầu bà B, ông D liên đới trả số tiền trên cho bà X, và yêu cầu tính lãi từ ngày 07/9/2023 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 0.83%/tháng, tổng cộng 10 tháng 10 ngày lãi với số tiền 98.202.000 đồng. Tổng cộng 1.243.202.000 đồng.

Tại biên bản hoà giải ngày 19/4/2024 và biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2024 bị đơn bà Tăng Thị B trình bày: Bà thừa nhận giấy xác nhận nợ ngày 07/7/2023 với số tiền bà còn nợ bà X là 1.145.000.000 đồng là có thật và bà có ký xác nhận, nhưng thực tế số tiền trên chỉ có nợ bà X tiền mua thức ăn gia súc là 136.000.000 đồng, nợ tiền vay 180.000.000 đồng, còn lại nợ hụi, cụ thể các dây hụi nợ bao nhiêu bà không nhớ. Việc chăn nuôi, chơi hụi, vay tiền mục đích phát triển kinh tế chăm lo gia đình. Nay đồng ý cùng chồng là ông D liên đới trả số tiền 1.145.000.000 đồng cho bà X nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi tất nợ, lãi suất bà xin không đồng ý trả.

Tại biên bản hoà giải ngày 06/5/2024 bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ông biết việc bà B vợ ông có hợp đồng mua thức ăn chăn nuôi của bà X và còn nợ bà X số tiền 136.000.000 đồng, việc bà B nuôi heo là để phát triển kinh tế gia đình, số tiền còn lại ông nghe bà B nói nợ tiền vay và tiền hụi của bà X, bà B vay tiền chơi hụi ông không biết. Nay bà X yêu cầu ông liên đới cùng bà B trả số tiền 1.145.000.000 đồng và lãi suất ông không đồng ý trả.

Tại phiên toà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Nhật Hoàng trình bày: Hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên được các bên thừa nhận có thật, bà B cũng thừa nhận còn nợ bà X 1.145.000.000 đồng, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng: Các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án đề nghị áp dụng điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 26, điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà X, buộc bà B ông D liên đới trả cho bà X số tiền vốn gốc 1.145.000.000 đồng và lãi suất chậm trả tính từ ngày 07/9/2023 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0.83%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng quyền lợi của bà bị xâm phạm bởi hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn với vợ chồng bà B, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn bà X có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên xác lập giao dịch mua bán vào năm 2020, đến 07/7/2023 do bị đơn vi phạm nghĩa vụ, nên các bên chấm dứt hợp đồng (nghĩa là quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm từ ngày 07/7/2023. Đến ngày 11/3/2024 thì nguyên đơn khởi kiện. Căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án vẫn còn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Giao dịch mua bán tài sản giữa các bên được hai bên thừa nhận có thật và phía bà B cũng thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ và còn nợ bà X. Tuy nhiên số tiền 1.145.000.000 đồng bà ký xác nhận công nợ ngày 07/7/2023 thực tế số tiền trên chỉ có nợ bà X tiền mua thức ăn gia súc là 136.000.000 đồng, nợ tiền vay 180.000.000 đồng, còn lại nợ hui nhưng bà không cung cấp được tài liệu chứng minh. Nội dung của bản xác nhận công nợ ngày 07/7/2023 (bút lục 18) thể hiện rõ số tiền 1.145.000.000 đồng là tiền nợ thức ăn heo, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà B phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho bà X là phù hợp. Đối với mức lãi suất và thời gian yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận toàn bộ.

[2] Đối với trách nhiệm liên đới của ông D: Theo chứng cứ nguyên đơn giao nộp đã có đủ căn cứ xác định số tiền 1.145.000.000 đồng là số tiền bà B nợ bà X trong hợp đồng mua bán thức ăn như nhận định ở phần [1], ông D mặc dù không có tham gia thỏa thuận hợp đồng với bà X nhưng ông biết việc bà B mua thức ăn chăn nuôi, bà B chăn nuôi cũng nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình, nên ông D phải có trách nhiệm cùng bà B trong việc trả số tiền trên cho bà X là phù hợp.

[3] Do bà B, ông D vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Nhưng do bà B, ông D thuộc diện người cao tuổi, nên được X xét miễn nộp toàn bộ.

[4] Quan điểm của kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 357, 429, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 26, điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị X. Buộc bà Tăng Thị B, ông Nguyễn Văn D liên đới trả cho bà Trần Thị X số tiền nợ gốc 1.145.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 98.202.000 đồng. Tổng cộng 1.243.202.000 (một tỷ hai trăm bốn mươi ba triệu hai trăm lẻ hai nghìn) đồng

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà X, nếu bà B, ông D chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà B, ông D chịu, nhưng được miễn nộp toàn bộ. Hoàn trả cho bà X số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003975 ngày 02/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn bà B, ông D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký